

# Truyền thống Việt Nam qua di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh

PGS.TS. NGUYỄN QUỐC HÙNG\*

Nước Việt Nam ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới trên bờ biển đất cầu, có địa hình phức tạp, với núi cao, biển rộng, sông dài, lại thêm nắng lấm, mưa nhiều, thảm thực vật phong phú, bốn mùa xanh tươi, quần thể động vật đa dạng, thuận lợi cho sự nảy sinh và bảo tồn sự sống. Do những điều kiện tự nhiên thuận lợi như vậy, nên từ xa xưa khu vực này đã được con người chọn làm địa bàn sinh sống. Các phát hiện cổ nhân, cổ sinh và khảo cổ học khắp nơi trên cả nước đã khẳng định sự cư trú liên tục của con người từ thời đại đồ đá cũ đến nay. Trong chuỗi thời gian dài khoảng vài chục vạn năm đó, các thế hệ con người tụ cư trên vùng đất này đã nối tiếp nhau lao động, sáng tạo và đã đạt được nhiều thành quả trong sự duy trì, phát triển cuộc sống, tạo lập các nền văn hóa, văn minh riêng, góp phần làm phong phú thêm diện mạo văn hóa chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Từ mấy ngàn năm trước họ đã cùng nhau lập nên nhà nước Văn Lang dưới sự trị vì của các vua Hùng, dựng kinh đô trên vùng đất Phong Châu (Phú Thọ), tiếp đến nhà nước Âu - Lạc do An Dương

vương đứng đầu, lấy Cố Loa (Hà Nội) làm kinh đô. Ý niệm về nhà nước đầu tiên do các vua Hùng dựng nên từ thuở xa xưa đã đi vào tâm thức, trở thành niềm tự hào của cả dân tộc. Đất nước thuở Hùng Vương là hạt nhân của sự cố kết cộng đồng, cội nguồn của lòng yêu nước, sự bảo đảm vững chắc cho sự trường tồn của quốc gia trong lòng người Việt Nam. Cho dù sau đó đất nước bị phong kiến phương Bắc xâm chiếm, đồng hóa cả ngàn năm thì lòng yêu nước vẫn trỗi dậy, khuyến khích các cuộc đấu tranh cho đến khi giành được độc lập. Ý thức về quốc gia, dân tộc từ thời Văn Lang, Âu Lạc, về ông tổ Hùng Vương đã đặt nền móng vững bền cho các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Tây Sơn, nhà Nguyễn ở thời quân chủ và Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) ngày nay.

Chúng ta nhận diện được sự phát triển liên tục từ thời tiền sử, sơ sử và lịch sử của đất nước nhờ vào khối lượng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú, đa dạng do người xưa sáng tạo, bảo tồn, trao truyền lại. Ở thời kỳ tiền, sơ sử, khi mà chữ viết, thư tịch chưa được sáng tạo ra để ghi lại những gì đã diễn ra, trí nhớ dân

\* PHÓ CỤC TRƯỞNG  
CỤC DI SẢN VĂN HÓA

gian cũng chỉ là những ký ức mịt mùng thuở hồng hoang. Các di tích cổ nhân, cổ sinh ở hang Thẩm Hai, Thẩm Khuyên (Lạng Sơn) lưu giữ vết tích người cổ (*Homo erectus*) hé lộ về sự xuất hiện của những con người đầu tiên trên đất nước ta cách ngày nay đã hơn bốn trăm ngàn năm. Sau đó, những nhóm người sử dụng công cụ làm bằng đá gốc và đá cuội đã lưu lại di tích về các nền văn hóa hậu kỳ thời đại đồ đại cũ như: Núi Đẹp (Thanh Hóa), Sơn Vi (20.000- 12.000 năm trước công nguyên (TCN), Hòa Bình (12.000- 10.000 TCN), Bắc Sơn (Lạng Sơn- 10.000- 8.000 năm TCN), Quỳnh Văn (Nghệ An 8.000- 6.000 năm TCN), Đa Bút (Thanh Hóa 6.000- 5.000 năm TCN) ở thời đại đá mới.v.v. Di tích của các văn hóa khảo cổ thời kỳ này chứng tỏ con người đã tiến thêm một bước dài trên con đường lao động sáng tạo. Con người thời văn hóa Hòa Bình - Bắc Sơn đã biết chế tạo đồ gốm, biết mài công cụ đồ đá để sử dụng. Từ chỗ là những người sống dựa vào săn bắt thú rừng, chim muông, hái lượm những sản vật có sẵn trong thiên nhiên, họ đã bắt đầu thuần dưỡng vật nuôi, trồng rau củ, lúa gạo. Đến hậu kỳ thời đại đá mới, kỹ nghệ mài đá đã đạt đến trình độ cao, cuộc sống của con người được cải thiện thêm một bước. Chuyển sang thời đại kim khí, các di tích thuộc văn hóa Phùng Nguyên (2.000- 1.500 năm TCN) - Đồng Đậu (1.500- 1.000 năm TCN)- Gò Mun (1.000- 600 năm TCN) - Đông Sơn (700 năm TCN - 100 năm SCN) ở vùng đồng bằng Bắc bộ; các văn hóa Cồn Chân Tiên, Hoa Lộc (Thanh Hóa, 2.000- 1.000 năm TCN), ở vùng Bắc Trung bộ; văn hóa Tiên Sa Huỳnh (Quảng Ngãi, 2.000 - 1.000 năm TCN) và văn hóa Sa Huỳnh (1.000 năm TCN - 200 năm SCN) khu vực Trung Trung bộ; văn hóa Đồng Nai (3.000 năm TCN) Nam bộ... minh chứng về thời kỳ con người đã biết chế tạo đồ kim khí (đồng, sắt) phục vụ cuộc sống. Thời kỳ này, kỹ thuật làm đồ gốm ngày càng tốt hơn, độ nung cao hơn, xương gốm mịn hơn, các trang trí trên đồ gốm tinh xảo hơn, nông nghiệp trồng lúa nước đã phát triển, kinh tế có phần dư dả. Những tiền đề cho sự hình thành nhà nước cổ đại như sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội xuất hiện, các di tích mộ táng thuộc văn hóa Đông Sơn đã cho thấy có những ngôi mộ không có đồ tùy táng, có

ngôi mộ lại chôn theo rất nhiều của cải trong những quan tài gỗ sang trọng.

Quá trình hình thành nhà nước thời cổ đại trên đất nước ta, sử sách ghi chép quá ít, đôi khi lại khá mơ hồ. Vì vậy, các di tích về Hùng Vương, An Dương Vương, Hai Bà Trưng và các tướng lĩnh tham gia cuộc khởi nghĩa do Trưng Trắc, Trưng Nhị lãnh đạo trở thành những bằng chứng có sức thuyết phục cao về sự tự cường dân tộc ở buổi ban đầu. Thủ hỏi nếu không có các di tích về Bà Triệu (Thanh Hóa), Mai Hắc Đế (Nghệ An), Lý Nam Đế (Hà Nội - Vĩnh Phúc), Triệu Việt Vương (Hưng Yên), Phùng Hưng (Hà Nội) và các văn bản thư tịch cùng những di sản phi vật thể, hiện tồn tại trong di tích và trong trí nhớ dân gian, thì các thế hệ mai sau sẽ nhận thức ra sao về trang sử một nghìn năm Bắc thuộc của nước ta?

Việt Nam nhìn trên bản đồ giống hình chữ S, phần phía Tây bám vào lục địa Đông Nam Á của châu Á, giáp Lào, Căm Pu Chia. Phần biển Đông liền kề vùng biển các nước Trung Quốc, Philippin, Indonesia, Malaisia. Phía Bắc giáp đất nước Trung Hoa rộng lớn, biển phía Nam nối liền với vịnh Thái Lan. Vị trí địa - chính trị ấy hết sức nhạy cảm trong khu vực Đông Nam Á, Đông Á và thế giới. Đất nước Việt Nam, nơi quần tụ sinh sống của đại gia đình 54 dân tộc anh em từ ngàn xưa đến nay. Chính vì thế, trên dặm dài lịch sử, chúng ta vừa lo giữ nước, vừa chăm lo xây dựng đất nước, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong quá trình tụ cư, hồn cư, hội cư, cộng cư và nhập cư, để cùng nhau sinh sống, phát triển.

Cho đến thời điểm hiện tại (2008), theo thống kê chưa đầy đủ, cả nước có khoảng trên 4 vạn di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh, trong đó 3.018 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia, hơn 4.501 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh. Năm di sản của Việt Nam được ghi vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới theo Công ước Bảo vệ văn hóa và thiên nhiên thế giới năm 1972 của Unesco, trong tổng số 878 di sản ở 145 quốc gia, là: Quần thể di tích kiến trúc Huế (Thừa Thiên Huế - 1993), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh - 1994, 2000), Khu di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam - 1999), Khu phố cổ Hội An (Quảng Nam -1999),

Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình - 2003). Bảy di sản khác đã đăng ký bước đầu với Trung tâm Di sản thế giới để tiến tới lập hồ sơ trình Ủy ban Di sản thế giới ghi vào Danh mục Di sản thế giới là: Thắng cảnh Hương Sơn (Hà Nội - 1991), Vườn Quốc gia Ba Bể (Bắc Kạn - 1997), Bãi đá cổ có chạm khắc ở Sapa (Lào Cai - 1997), Vườn Quốc gia Cát Tiên (Đồng Nai, Bình Phước, Lâm Đồng - 2006), Quần thể di sản văn hóa Thăng Long (Hà Nội - 2006), Thành Nhà Hồ (Thanh Hóa - 2006), Hang Con Moong (Thanh Hóa - 2006).

Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh ở nước ta nhìn trên tổng thể về mặt không gian, phân bố ở tất cả các tỉnh, thành trong cả nước, tuy số lượng nhiều ít ở mỗi vùng, mỗi tỉnh có khác nhau. Về mặt thời gian, di sản thiên nhiên mang dấu ấn của lịch sử trái đất cách nay vài trăm triệu năm, di sản văn hóa trải suốt từ thời đại đồ đá cũ đến giai đoạn lịch sử cách mạng những năm gần đây, về mặt không gian, di sản rải khắp cả nước. Mức độ đậm nhạt của bức tranh toàn cảnh di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh ở nước ta phản ánh trung thực đặc điểm văn hóa của từng vùng, miền và

quá trình phát triển lịch sử văn hóa trên mỗi vùng trong các thời kỳ. Khu vực các hang động, đồi gò tập trung nhiều di tích khảo cổ thời tiền sử như: Núi Đèo, Con Moong (Thanh Hóa), Phiêng Tung (Thái Nguyên), Hòa Bình, Bắc Sơn (Lạng Sơn), Lung Leng (Kon Tum). Vùng đồng bằng ven biển nơi tập trung của các di tích thời kỳ con người tiến từ vùng đồi gò xuống chiếm lĩnh đồng bằng trong quá trình biển thoái. Dấu vết của thời kỳ này được phát hiện tương đối đều khắp trên cả nước, hình thành các nền văn hóa lớn: Văn hóa Đông Sơn (phân bố ở Bắc bộ và Bắc Trung bộ), văn hóa Sa Huỳnh (phân bố ở Trung Trung bộ, Tây nguyên và Nam bộ).

Núi rừng Việt Nam từ Bắc vô Nam thuận tiện cho ẩn náu, tránh địch, đánh giặc, phân bố khá dày di tích về hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, từng được ví von: "Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù". Khác với núi rừng, vùng đồng bằng lại là nơi hiện diện hầu hết loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật. Di sản thiên nhiên do tạo hóa ban tặng, được con người lựa chọn, xác định giá trị bao gồm những nơi chứa đựng cảnh quan đẹp, giá trị địa chất,



Tam quan chùa Keo Hành Thiện- Nam Định, kiến trúc TK.17 - Ảnh: Q.V



đa dạng sinh học và phản ánh sự tiến hóa của hệ sinh thái. Di sản thiên nhiên của Việt Nam do đặc thù địa chất, địa mạo và khí hậu nên phân bố chủ yếu ở nơi rừng núi, ven biển. Những di sản loại này tập trung ở các nhóm vịnh biển, vườn quốc gia, hang động, thác nước, hồ nước. Tiêu biểu cho loại hình di sản thiên nhiên ở nước ta có các Vịnh Hạ Long, Lăng Cô (Thừa Thiên Huế), Vịnh Nha Trang (Khánh Hòa), Vũng Tàu (Bà Rịa - Vũng Tàu), Mũi Nai (Kiên Giang); Các Vườn Quốc gia: Phong Nha - Kẻ Bàng, Ba Bể, Cúc Phương (Ninh Bình, Thanh Hóa), Cát Tiên, Bạch Mã (Thừa Thiên Huế); Các ngọn thác kỳ thú: thác Bản Giốc (Cao Bằng), thác Đầu Đẳng (Bắc Kạn), thác Bờ (Hòa Bình), thác Bà (Yên Bái), thác Đỗ Quyên (Thừa Thiên Huế), thác YaLy (Kon Tum), thác Cam Ly (Đà Lạt) ... Các hang động huyền bí: Ngườm Ngao (Cao Bằng), Phong Nha (Quảng Bình), Thạch Động (Kiên Giang); Những hồ nước thơ mộng chứa đầy huyền thoại: Hồ Gươm, Hồ Tây (Hà Nội), Hồ Lắk (Đắc Lắc), Hồ Than Thở (Đà Lạt). Lại có những di sản vừa là cảnh đẹp thiên nhiên, vừa được các công trình xây dựng của con người tô điểm tạo nên các danh lam thắng cảnh như: các động Nhị Thanh, Tam Thanh (Lạng Sơn), Hương Sơn, Sài Sơn (Hà Nội), chùa Hương (Hà Tĩnh), Yên Tử (Quảng Ninh), Tây Thiên (Vĩnh Phúc), Tam Cốc - Bích Động (Ninh Bình).

Về thời kỳ lịch sử, di tích liên quan đến các quốc gia thời cổ đại được phát hiện đậm đặc ở khu vực các đồng bằng, ven biển Bắc bộ (Đại Việt), Trung bộ và Tây nguyên (Chăm), Nam bộ (Phù Nam). Nếu như các kiến trúc của người Việt ở Bắc bộ để lại hầu hết là hệ thống đình, chùa, đền, điện, miếu phủ, quán, nhà thờ họ, nhà thờ tổ nghề... được làm bằng bộ khung kiến trúc gỗ. Thì hệ thống tháp Chăm ở vùng ven biển miền Trung và Tây nguyên, các di tích Óc Eo ở miệt Nam bộ và khu di tích Cát Tiên (Lâm Đồng) Nam Tây nguyên lại phổ biến dùng vật liệu gạch, đá là chính.

Trước đây, một số học giả nước ngoài đã nhận định, văn hóa Việt Nam ở phía Bắc mang ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc (Nho giáo, Đạo giáo và cả Phật giáo), còn ở miền Trung và Nam đất nước mang ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Ấn Độ. Sự giao lưu và tiếp thu các giá

trí văn hóa, các tôn giáo từ bên ngoài là câu chuyện chung của các nước trên thế giới. Qua hệ thống di tích hiện tồn, chúng ta có thể chứng minh rằng, trong quá trình tiếp biến văn hóa, các dân tộc trên đất nước Việt Nam vẫn giữ gìn được các bản sắc văn hóa riêng, song song với việc tiếp thu có chọn lọc các yếu tố văn hóa từ bên ngoài. Có thể thấy ngay những nét riêng của Việt Nam trong kiến trúc nghệ thuật và văn hóa được thể hiện qua các kiến trúc gỗ truyền thống trên miền Bắc, miền Trung và Nam bộ. Những kiến trúc có bộ khung gỗ kiểu kèo suối, kèo kẻ chuyền ở Bắc bộ hoàn toàn khác với cách thức tạo tác của bộ kèo đấu củng, vì con chồng trụ đội hình trái bí trong kiến trúc Trung Hoa. Những chạm khắc trên các ngôi đình, chùa, đền miền Bắc không chỉ có phong cách khác hẳn chạm khắc trên các kiến trúc gỗ Trung Quốc qua các thủ pháp chạm lộng, bong kẽm, chạm nổi làm cho hình khối của tác phẩm nổi bật trên nền khuôn gỗ. Sự riêng biệt của nghệ thuật điêu khắc trên kiến trúc gỗ Việt Nam còn biểu hiện ở các đề tài trang trí mang dấu ấn của nền văn minh nông nghiệp, dấu ấn của những phong tục tập quán sinh hoạt bản địa của người Việt. Những đề tài về thể thao như: đua thuyền, đấu vật, hất phết, làm xiếc; đề tài về lao động: người cày, voi cày, trâu cày; cảnh trai gái tình tự; cảnh săn bắn: săn thú, thổi ống xì đồng bắn chim; hay những con vật: hổ, voi, ngựa, trâu, khỉ, thạch sùng, tôm, cua v.v. Những chạm khắc trên kiến trúc gỗ truyền thống Việt Nam hướng về thể hiện vẻ đẹp qua hình khối, không tô son, vẽ phấn. Điều này khác hẳn với những kiến trúc gỗ được tô vẽ màu sắc cầu kỳ trong các kiến trúc cung điện tại Tử Cấm Thành - Bắc Kinh và các cung phủ trên đất nước Trung Hoa. Việc người Việt thường đắp hình rồng trên mái các kiến trúc chính ở đình, đền và cung điện ở Huế cũng chưa từng bắt gặp trên nóc kiến trúc tại Tử Cấm Thành - Bắc Kinh. Đối với bộ khung gỗ kiến trúc miền Trung và Nam bộ, bộ khung gỗ kiểu nhà rường với các bộ vải (vì) chồng, vải luôn được sử dụng trong kiến trúc cung điện triều Nguyễn ở Huế, dinh thự của các quan lại, đình, đền, chùa, nhà lá mái Bình Định, Quảng Ngãi (loại nhà có hai lớp mái) lại là một loại hình kiến trúc hoàn toàn mang phong cách địa phương.



Các kiểu vòi này không chỉ khác với kiến trúc của các nước xung quanh mà còn dễ dàng phân biệt với kiểu vòi kèo suốt và vòi kẻ chuyền ở phía Bắc. Sự xuất hiện của bộ vòi chồng trên các di tích kiến trúc văn miếu hàng tinh thời Nguyễn như: Văn miếu Mao Điền (Hải Dương), Văn miếu Xích Đằng (Hưng Yên), Văn miếu Nghệ An cho thấy loại vòi chồng phổ biến từ Hà Tĩnh trở vào Nam bộ đã được triều Nguyễn quy định sử dụng trong xây dựng văn miếu hàng tinh trên cả nước vào thế kỷ 19.

Kiến trúc các đền tháp Chăm tuy ảnh hưởng của nền văn hóa Ấn Độ thể hiện ở việc sử dụng gạch, đá để xây dựng đền tháp, tạc tượng và linh vật, nhưng việc lựa chọn vị trí xây dựng và phong cách chạm khắc tinh tế, sử dụng hoa văn mô phỏng cây cỏ tại địa phương (cây rau Dóng), hình dạng của các vị vua Chăm để chạm trên các Mu Kha - Lin ga... tạo nên một phong cách riêng biệt hấp dẫn của kiến trúc và điêu khắc Chăm.

Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh ở nước ta, theo Luật Di sản văn hóa, được quy vào bốn nhóm chính là di tích khảo cổ, di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật và danh lam thắng cảnh, trong mỗi loại lại chia thành những nhóm nhỏ hơn.

Các di tích khảo cổ vừa là những chứng cứ vật chất có tính thuyết phục cao về các xã hội thời kỳ tiền - sơ sử, đồng thời vừa bổ sung cho những dòng ghi chép ít ỏi về thời kỳ lịch sử này. Nhờ các di tích khảo cổ học, chúng ta có thể nhận biết những hoạt động văn hóa của con người thời xa xưa khi chưa xuất hiện những ghi chép, thư tịch. Di tích khảo cổ học ở nước ta được phát hiện, nghiên cứu đã hơn một trăm năm, số lượng ngày càng tăng theo thời gian. Các di tích có niên đại suốt từ thời tiền sơ sử đến những giai đoạn lịch sử gần đây. Theo phân loại sơ bộ các di tích khảo cổ tập trung vào mấy nhóm chính là: di tích cư trú phân bố ở hang động, sườn đồi gò, thềm sông, suối; di tích mộ táng, nơi sản xuất công cụ ở thời tiền sơ sử. Ở thời kỳ lịch sử có các di tích kiến trúc quân sự (thành, lũy, pháo đài) kiến trúc dân sự (đô thị, làng, bản, cung điện dinh thự, công trình kiến trúc tôn giáo - tín ngưỡng, nhà ở dân dụng.v.v.). Công tác khảo cổ đã phát hiện dấu vết các cơ sở sản xuất thời xưa: khu lò luyện sắt

(Thanh Vân, Đao Tú - Vĩnh Phúc) thời văn hóa Đông Sơn, các khu lò nung gốm (Tam Thọ - Thanh Hóa), Đương Xá (Bắc Ninh), Thanh Lũng (Vĩnh Phúc) thời kỳ Bắc thuộc; các lò Cậy, Chu Đậu (Hải Dương), Đồng Cổ (Hà Nội) thời quân chủ và các di tích gốm Chăm (Gò Sành - Bình Định), khu lò gốm Hưng Lợi (Thành phố Hồ Chí Minh). Những di tích khảo cổ học đó cùng với sự hiện hữu của các lò gốm Bát Tràng (Hà Nội), Thổ Hà (Bắc Giang), Phù Lãng (Bắc Ninh), Hương Canh (Vĩnh Phúc), Long Thọ (Thừa Thiên Huế), Thành Hà (Quảng Nam), Đồng Nai... tiêu biểu cho sự phát triển ngành nghề thủ công truyền thống của đất nước trong suốt mấy ngàn năm, những sản phẩm thủ công đã vượt biên đến với dân chúng tại các nước xa xôi.

Những phát hiện mới về khảo cổ học những năm gần đây về khu di tích Cát Tiên đã xuất lộ một nền văn hóa phong phú đa dạng chứa đựng nhiều bí ẩn lịch sử ở Nam Tây nguyên. Cuối thế kỷ XX phát hiện khảo cổ học tại Lung Leng (Kon Tum) một nơi cư trú liên tục của con người từ hậu kỳ thời đại đồ đá cũ đến thời đại kim khí, di vật phát hiện tại di tích không những khẳng định sự có mặt của con người tại vùng đất này từ rất sớm, mà còn cho thấy sự hòa đồng của con người nơi đây với các cộng đồng cư dân trên đất nước ta chí ít cũng từ thời kỳ văn hóa Sa Huỳnh. Nhạy cảm hơn cả là phát hiện khu di tích một bộ phận của Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu (Hà Nội) hồi đầu thế kỷ XXI. Giá trị của khu di tích khảo cổ này ngay lập tức chinh phục được sự quan tâm của giới nghiên cứu ở trong và ngoài nước về dấu vết còn lại hiếm hoi của một trung tâm quyền lực thời quân chủ kéo dài hơn nghìn năm ở nước ta. Nơi được chọn làm trại sở - kinh đô - phủ toàn quyền - thủ đô suốt từ thời kỳ Đại La qua Thăng Long, thời kỳ Pháp thuộc và chế độ dân chủ cộng hòa cho đến nay hơn mười thế kỷ. Những dấu tích còn lại không hoành tráng, nhưng ý nghĩa tượng trưng của di tích phản ánh lịch sử hơn nghìn năm liên tục của thủ đô, trước cả khi Lý Thái Tổ cho rời đô từ Hoa Lư về Đại La và đổi tên thành Thăng Long rất đặc đáo trong lịch sử nhân loại. Chính vì những giá trị nổi bật toàn cầu đó của khu di sản, Unesco đã hỗ trợ cho việc lập hồ sơ đề cử khu di sản là di

sản thế giới, chính phủ Nhật Bản đã tài trợ để nghiên cứu, bảo tồn khu di sản.

Di tích kiến trúc nghệ thuật, những bằng chứng về tài năng sáng tạo, nơi ghi dấu các bản sắc riêng của dân tộc trong quá trình tiếp thu có chọn lọc các yếu tố văn hóa của thế giới. Một thành tựu lớn lao về kiến trúc nghệ thuật của nước ta là quần thể di tích kiến trúc Huế, là bằng chứng tiêu biểu của một giai đoạn văn hóa đặc đáo ở nước ta ở đầu thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX. Giai đoạn văn hóa đã để lại nhiều di sản có giá trị trong bối cảnh lịch sử đầy biến động của thế giới thời kỳ này. Di tích kiến trúc Huế là một quần thể kiến trúc kinh đô tiêu biểu toàn ven về kiến trúc thành quách, cung điện, lăng tẩm tọa lạc trong một cảnh quan văn hóa đặc sắc gắn liền với hình ảnh sông Hương - núi Ngự. Thông qua quần thể di tích, chúng ta thấy những tiếp thu các kiến thức về quy hoạch, về nghệ thuật xây dựng công trình từ các nước Đông Á và châu Âu ở thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX của người xưa. Tương tự như vậy, khu di tích Chăm Mỹ Sơn và khu phố cổ Hội An cùng Quần thể di tích cố đô Huế đều đạt được hai tiêu chí giá trị nổi bật toàn cầu theo quy định của Công ước Unesco về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Khu phố cổ Hội An chứa đựng bằng chứng tiêu biểu về sự giao lưu văn hóa trong quá khứ rất đặc biệt. Quá trình hình thành đô thị cổ Hội An gắn với sự hội cư, tụ cư và hồn cư của người Việt, người Hoa, người Nhật và châu Âu. Các bằng chứng còn được bảo lưu trên vô số kiến trúc: hội quán người Hoa, cây "cầu Nhật Bản", "Trình Nhật Bổn" trong các ngôi nhà cổ, mộ cổ của người Nhật, người Hoa và người châu Âu, đình thờ tiền hiền khai canh của người Việt và dấu tích các thương điếm Hà Lan, Bồ Đào Nha. Những di tích hiện còn đã minh chứng đầy đủ, nguyên vẹn về một nơi cư trú nổi tiếng, nằm ven sông giáp biển từng là một đô thị buôn bán sầm uất thời cổ còn lại đến ngày nay. Khu tháp Chăm Mỹ Sơn được coi là thánh địa của người Chăm từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIII. Di sản này nổi bật về dấu ấn của sự giao lưu văn hóa, tôn giáo giữa người Chăm và Ấn Độ ở khu vực Nam Á và Đông Nam Á. Những kiến trúc đền tháp Chăm tiêu biểu cho một nền văn minh độc đáo của Việt Nam trong lịch sử, với nhiều tác phẩm

kiến trúc điêu khắc, văn bia trải suốt miền Trung, từ Nam Hà Tĩnh đến Bình Thuận lên Tây nguyên.

Tại Nam bộ, Văn hóa Óc Eo kể từ khi được phát hiện năm 1920 và khai quật năm 1944 đã gợi lại những ký ức về một nền văn hóa Phù Nam (thế kỷ I - VII). Những dấu vết kiến trúc gạch tại khu "Tứ giác Long Xuyên" như: Óc Eo, Ba Thê (An Giang); Gò Thành (Tiền Giang), Gò Tháp (Đồng Tháp), gò Ô Chùa (Long An), các cây tháp Bình Thạnh, Chót Mạt (Tây Ninh), Vĩnh Hưng (Bạc Liêu)... bằng chứng nổi bật về một nền văn hóa đã từng phát triển rực rỡ tại khu vực Nam bộ những thế kỷ đầu công nguyên. Việc phát hiện khu di tích Cát Tiên (Lâm Đồng) vào đầu thập niên tám mươi của thế kỷ XX tiếp tục cung cấp những chứng tích giá trị về một dạng văn hóa mang dấu ấn của sự giao lưu mạnh mẽ ở Nam Tây nguyên từ thế kỷ VIII - X.

Bên cạnh khu phố cổ Hội An, chúng ta còn gìn giữ được một số khu phố cổ như Phố Hiến (Hưng Yên), Đồng Văn (Hà Giang), Gò Công (Tiền Giang)... Theo thời gian, kiến trúc và không gian các khu phố này đã bị biến đổi, hủy hoại, riêng khu phố cổ Hà Nội vẫn còn lưu giữ được nhiều giá trị đặc biệt. Trải qua ngót ngàn năm thăng trầm, trong khu phố cổ Hà Nội còn tồn tại nhiều di tích, di vật, những giá trị nổi trội về sự hội cư, tụ cư và hồn cư của nhiều cộng đồng người trên thế giới và trong nước trong quá trình làm ăn sinh sống tại kinh thành, kè chợ. Dấu tích của sự hội cư ấy thể hiện ở những kiến trúc kiểu hội quán Trung Hoa, nhà kiến trúc kiểu Pháp thời thuộc địa, nhà thờ kiểu Gô Tích của phương Tây xen lẫn những đình, đền, chùa, miếu mang đặc trưng kiến trúc Việt. Các kiến trúc đan xen nhau tạo nên vẻ đẹp hấp dẫn của khu phố cổ Hà Nội. Ở đó có ngôi đền Bạch Mã khởi dựng trước thế kỷ thứ 9, có những ngôi nhà cổ kiến trúc truyền thống đa chức năng hiếm thấy trên thế giới. Những ngôi nhà hình ống vừa là nhà ở - nơi sản xuất - cửa hiệu lại vừa làm nơi trưng bày các tác phẩm mỹ thuật làm nên những giá trị văn hóa tiêu biểu, độc đáo của khu phố cổ Hà Nội...

(Kỳ sau đăng tiếp)

N.Q.H